

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2024/DS-ST
Ngày: 26 tháng 9 năm 2024
V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay,
hợp đồng góp hui”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Trinh

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Mai Thị Thu Hà
- Bà Nguyễn Thị Ngọc Kiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Hiếu - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hồng Em - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 95/2024/TLST-DS ngày 08 tháng 5 năm 2024 về việc tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản, hợp đồng góp hui” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 271/2024/QĐXX-DS ngày 23 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 265/2024/QĐST-DS ngày 10 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đàm Thị H, sinh năm 1962 (Có mặt)

Nơi cư trú: Tổ A, ấp V, xã C, huyện C, tỉnh An Giang.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Mỹ L, sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ G, ấp C, xã C, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo Đơn khởi kiện ngày 20/02/2024, Đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 03/6/2024, tài liệu chứng cứ trong hồ sơ, trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa thể hiện:

Do có sự quen biết và tin tưởng bà H có cho bà L mượn tiền để làm ăn, giải quyết việc gia đình, bà L tham gia chơi hui do bà H làm chủ, bà H chơi hui dùm bà L nhưng sau đó bà L không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ vay và nợ hui nên còn thiếu lại bà H các khoản tiền như sau:

- Về số tiền mượn và vàng: Ngày 15/11/2021, bà Trần Thị Mỹ L mượn của bà Hằng số tiền 760.000.000 đồng và 17 chỉ vàng 9999 để làm vốn kinh doanh hoa kiểng và lo cho con đi xuất khẩu lao động. Bà L hứa khi nào cần thì báo bà L sẽ hoàn trả lại cho bà. Bà L có làm biên nhận nợ ký ngày 15/11/2021.

- Hội tháng loại 5.000.000 đồng/tháng do bà H làm chủ hội: Dây hội có 25 phần, áp ngày 20/02/2020. Bà L tham gia 04 phần, bà L hót lần lượt vào các ngày 24/02/2020 hót 01 phần, ngày 24/03/2020 hót 01 phần, ngày 24/5/2020 hót 01 phần và ngày 24/6/2020 hót 01 phần. Bà đã giao đủ số tiền 399.000.000 đồng cho bà L, bà L phải đóng hội chết 04 phần hội cho đến khi mãn hội tổng số tiền là 460.000.000 đồng. Sau đó bà L có đóng hội chết cho bà được 14 tháng với số tiền là 279.000.000 đồng rồi ngưng không đóng tiếp nữa. Số tiền còn lại là 181.000.000 đồng (Một trăm tám mươi một triệu đồng). Bà L có làm biên nhận nợ cho bà ký ngày 24/02/2022.

- Hội tháng loại 5.000.000 đồng/tháng do bà H làm chủ hội: Dây hội này có 24 phần, áp ngày 20/11/2021. Bà L tham gia 01 phần, hội khai lần đầu ngày 20/11/2021 bà L hót. Bà đã giao tiền hội cho bà L là 94.000.000 đồng. Bà L phải đóng hội chết cho đến khi mãn hội tổng số tiền hội chết là 115.000.000 đồng. Sau đó bà L có đóng hội chết cho bà được 06 tháng với số tiền là 30.000.000 đồng rồi ngưng không đóng tiếp nữa. Số tiền còn lại là 85.000.000 đồng (Tám mươi lăm triệu đồng). Bà L có làm cho bà biên nhận nợ ký ngày 20/10/2023.

- Hội ngày loại 100.000 đồng/ngày – Bà H chơi dùm bà L: Dây hội có 90 phần, bà L tham gia chơi 10 phần. Đã hót hết 10 phần (Một lần), được số tiền là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng), bà L phải đóng hội chết là 90.000.000 đồng. Sau đó bà L đóng hội chết được 35 ngày là 35.000.000 đồng rồi ngưng. Số tiền còn nợ là 55.000.000 đồng (Năm mươi lăm triệu đồng), bà L có làm biên nhận nợ số tiền này ký ngày 28/12/2021, số tiền này bà L yêu cầu đưa qua tiền vay, đóng lãi cho bà hàng tháng nhưng bà L không đóng lãi cho bà được tháng nào hết.

Sau khi làm các biên nhận chốt nợ thì bà L đều hứa chỉ trong vòng thời gian ngắn sẽ trả đủ cho bà nhưng bà L không thực hiện, bà nhắc nhở nhiều lần bà L có yêu cầu được trả dần 3.000.000 đồng/tháng, bà không đồng ý mà yêu cầu bà L phải trả dần 10.000.000 đồng và 02 chỉ vàng mỗi tháng, bà L không đồng ý nên không thoả thuận được việc trả nợ, sau đó bà L chỉ hứa lần lữa và đưa ra nhiều lý do nhưng rồi tránh né không trả tiền và vàng cho bà. Nay bà khởi kiện yêu cầu Toà án xem xét buộc bà L trả cho bà số tiền nợ vay và tiền nợ hội là: 1.081.000.000 đồng (Một tỷ không trăm tám mươi một triệu đồng) và 17 chỉ vàng loại 9999, trong đó nợ vay: 760.000.000 đồng và 17 chỉ vàng 9999 và 55.000.000 đồng; nợ hợp đồng góp hội: 181.000.000 đồng và 85.000.000 đồng; Bà không yêu cầu tính lãi.

Ngoài ra, bà H xác định chỉ yêu cầu bà L thanh toán nợ, không yêu cầu trách nhiệm của chồng bà L vì việc vay nợ và chơi hội là giao dịch chỉ giữa bà với bà L.

** Theo Tờ tự khai ngày 22/5/2024 và lời khai trong quá trình hoà giải bị*

đơn bà Trần Thị Mỹ L trình bày:

Vào khoảng tháng 8 năm 2017, bà có vay của bà Hằng số tiền 3.000.000 đồng để làm vốn với lãi suất 6%/tháng, bà có đóng lãi đầy đủ. Sau đó bà có hỏi vay thêm tiền vốn của bà H, có trả vốn rồi vay lại có đóng lãi đều đặn, trong thời gian này bà cũng có hỏi vay vàng của bà H lấy làm nhiều lần, tham gia chơi hụi do bà H làm chủ, loại 3 triệu/tháng, 5 triệu/tháng. Bà chơi và hốt rồi chơi lại nhiều lần.

Đến khi dịch Covid -19 xảy ra, bà bị bệnh nặng phải đi điều trị bệnh thời gian dài, gia đình không làm ăn và không có thu nhập nên không tiếp tục đóng lãi cũng như không hỏi thêm tiền của bà H. Bà có yêu cầu bà H ngưng lãi và cho bà đóng lời hàng tháng nhưng bà H không đồng ý, cứ tiếp tục tính lãi phát sinh cộng vốn vay. Đến tháng 11 năm 2021 thì bà nợ tiền vốn và lãi tổng cộng là 760.000.000 đồng và số vàng là 17 chỉ vàng 9999, bà có ký biên nhận ngày 15/11/2021.

Từ thời gian này về sau do bà H mắng chửi, nhục mạ bà, thậm chí đe dọa và uy hiếp tinh thần bà thường xuyên buộc bà phải làm biên nhận nợ cho bà H chứ bà không có vay thêm tiền vốn mà đó là tiền lãi. Vì quá áp lực bà nên bà ký vào 3 biên nhận ngày 28/12/2021, số tiền 55.000.000 đồng, biên nhận ngày 24/02/2022, số tiền 181.000.000 đồng, biên nhận ngày 20/10/2023 số tiền 85.000.000 đồng, tổng cộng 03 lần tiền là 321.000.000 đồng.

Do đó nay bà H khởi kiện bà yêu cầu trả 1.081.000.000 đồng (Một tỷ không trăm tám mươi một triệu đồng) và 17 chỉ vàng loại 9999 thì bà không đồng ý, bà xác định chỉ nợ bà H tiền vay, tiền hụi, tiền lời tổng cộng chỉ 760.000.000 đồng và 17 chỉ vàng 9999 theo biên nhận ngày 15/11/2021, còn số tiền 321.000.000 đồng theo 3 biên nhận nợ ngày 28/12/2021, 24/02/2022 và 20/10/2023 là tiền lãi chứ bà không có nhận khoản tiền nào từ bà H. Do đó bà yêu cầu chỉ trả số tiền 760.000.000 đồng và 17 chỉ vàng 9999 và không đồng ý trả số tiền lãi phát sinh 321.000.000 đồng vì đang gặp hoàn cảnh khó khăn, mất khả năng trả nợ.

Đồng thời, bà L xác định số tiền nợ mà bà H khởi kiện yêu cầu bà thanh toán, không liên quan đến chồng bà, chỉ một mình bà tham gia chơi hụi và vay tiền của bà H để làm ăn, chồng bà không biết về số tiền này.

Tại phiên toà

- Nguyên đơn trình bày: Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện
- Bị đơn: Vắng mặt
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

+ Việc chấp hành pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, nguyên đơn thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ vay và nợ hui là 1.081.000.000 đồng (Một tỷ không trăm tám mươi một triệu đồng) và 17 chỉ vàng loại 9999. Về lãi suất, nguyên đơn không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa bà Đàm Thị H với bà Trần Thị Mỹ L được xác định là tranh chấp hợp đồng vay, hợp đồng góp hui theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bà L có nơi cư trú tại ấp C, xã C, huyện C, tỉnh An Giang nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.2 Về sự có mặt của đương sự: Bị đơn bà L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng bà vắng mặt không lý do; Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố Tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bà L.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Căn cứ vào lời trình bày của đương sự và các chứng cứ có trong hồ sơ:

- Đối với số tiền 760.000.000 đồng + 17 chỉ vàng 9999. Bà H và bà L thống nhất bà L có làm biên nhận nợ cho bà H ký ngày 15/11/2021.

Xét, giao dịch giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự do, tự nguyện thỏa thuận, có nội dung và hình thức không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật nên làm phát sinh, quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên. Việc bị đơn bà L thừa nhận còn nợ bà H số tiền 760.000.000 đồng + 17 chỉ vàng 9999, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả vốn là có căn cứ phù hợp quy định pháp luật tại Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 nên được hội đồng xét xử chấp nhận.

- Đối với số tiền nợ 321.000.000 theo 03 biên nhận: Biên nhận ngày 28/12/2021, số tiền 55.000.000 đồng; Biên nhận ngày 24/02/2022, số tiền 181.000.000 đồng; Biên nhận ngày 20/10/2023 số tiền 85.000.000 đồng. Bà H trình bày đây là số tiền nợ hui bà L tham gia chơi hui của bà còn nợ và tiền hui bà H chơi dùm bà L, 2 bên đã chốt nợ và chuyển qua tiền vay. Về phía bà L thừa nhận có ký các biên nợ nhưng không thừa nhận đây là nợ hui và nợ vay mà là tiền lãi (Vì tổng nợ hui và vay chỉ 760.000.000 đồng + 17 chỉ vàng 9999 đã chốt theo Biên nhận ngày 15/11/2021), việc ký biên nhận là do bị áp lực từ bà H và hiện

đang gặp hoàn cảnh khó khăn nên không đồng ý thanh toán số tiền này cho bà H. Việc này cũng không được nguyên đơn bà H thừa nhận và chấp nhận.

Xét việc vay nợ và chơi hụi đã được các bên thừa nhận, bà L nại rằng số tiền 321.000.000 theo 3 biên nhận trên là tiền lãi, bà ký tên vào các biên nhận là do áp lực từ bà H chứ không phải nợ hụi hay nợ vay, nhưng không được thừa nhận, bà L cũng không có chứng cứ chứng minh. Do đó, lời khai nại của bà L không có cơ sở để hội đồng xét xử xem xét.

Từ những nêu trên, xác định toàn bộ yêu cầu của bà H về việc bà L phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ vay và nợ hụi là có cơ sở. Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 471 của Bộ luật Dân sự 2015 hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà H: Buộc bà L phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Hằng số tiền 1.081.000.000 đồng (Một tỷ không trăm tám mươi một triệu đồng) và 17 (Mười bảy) chỉ vàng loại 9999.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

[3] Về án phí:

Do yêu cầu được chấp nhận bà H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bà L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

[4] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 92, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 463, Điều 466 và Điều 468, Điều 471 của Bộ luật Dân sự 2015;

Nghị Định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/2/2019 của Chính Phủ quy định về họ, hụi, biên phường;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Đàm Thị H:

1. Buộc bà Trần Thị Mỹ L trả cho bà Đàm Thị H số tiền 1.081.000.000 đồng (Một tỷ không trăm tám mươi một triệu đồng) và 17 (Mười bảy) chỉ vàng loại 9999, bao gồm tiền vay là 815.000.000 (Tám trăm mười lăm triệu đồng) và 17 (Mười bảy) chỉ vàng 9999, tiền hụi 266.000.000 đồng (Hai trăm sáu mươi sáu triệu).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Buộc bà Trần Thị Mỹ L phải chịu 48.510.000 đồng (Bốn mươi tám triệu, năm trăm mười ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đàm Thị H thuộc trường hợp người cao tuổi và có đơn xin miễn nộp tạm ứng án phí, do đó Bà Đàm Thị H đã được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định.

3. Về quyền kháng cáo:

Bà Đàm Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (26/9/2024)

Bà Trần Thị Mỹ L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND H.Châu Thành;
- Chi cục THADS H. Châu Thành;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Ngọc Trinh